



PHIẾU AN TOÀN DỮ LIỆU
EXPANSION JOINT COMPOUND RED & GREY HARDENER

PHẦN 1: Nhận dạng chất/ hỗn hợp chất và công ty/doanh nghiệp

Nhận dạng sản phẩm

Tên sản phẩm EXPANSION JOINT COMPOUND RED & GREY HARDENER

Số hiệu sản phẩm Y0024

Mục đích sử dụng của chất hoặc hỗn hợp có liên quan được xác định và mục đích sử dụng được khuyến cáo không nên

Mục đích sử dụng đã được xác định Chất làm cứng.

Chi tiết về nhà cung cấp phiếu an toàn dữ liệu

Nhà cung cấp

ITW Performance Polymers
Bay 150
Shannon Industrial Estate
Co. Clare
Ireland
V14 DF82
353(61)771500
353(61)471285
mail@itwpp.com

Số điện thoại khẩn cấp

Số điện thoại khẩn cấp +44(0)1235 239 670 (24h)

PHẦN 2: Nhận dạng nguy hại

Phân loại chất hoặc hỗn hợp

Nguy hại vật chất Không xếp loại

Nguy hại về sức khỏe Độc tính cấp tính loại 4 - H302 Độc tính cấp tính loại 4 - H312 Ăn mòn da loại 1B - H314 Tổn thương mắt loại 1 - H318 Mẫn cảm da loại 1 - H317

Nguy hại về môi trường Mãn tính thủy sinh loại 3 - H412

Sức khỏe con người Gây ăn mòn. Tiếp xúc kéo dài gây hủy hoại nghiêm trọng mắt và tế bào.

Thành phần nhân

Hình đồ



Từ cảnh báo

Nguy hiểm

EXPANSION JOINT COMPOUND RED & GREY HARDENER

Câu cảnh báo nguy cơ	H302+H312 Gây hại nếu nuốt phải hoặc tiếp xúc với da. H314 Gây bỏng da và tổn thương mắt nghiêm trọng. H317 Có thể gây ra phản ứng dị ứng với da. H412 Gây hại cho đời sống thủy sinh với tác ảnh hưởng lâu dài.
Câu phòng ngừa	P270 Không được ăn, uống hoặc hút thuốc khi sử dụng sản phẩm này. P280 Đeo găng tay/ quần áo/ kính/ mặt nạ bảo hộ. P303+P361+P353 NẾU DÍNH VÀO DA (hoặc tóc): Cởi quần áo nhiễm hóa chất ngay lập tức. Rửa sạch da bằng nước/ tắm. P305+P351+P338 NẾU DÍNH VÀO MẮT: Rửa cẩn thận với nước trong vài phút. Tháo kính áp tròng, nếu có và dễ tháo. Tiếp tục rửa. P333+P313 Nếu thấy da bị kích ứng hoặc mẫn: Tìm hỗ trợ y tế/ tìm sự trợ giúp.
Bao gồm	2-PIPERAZIN-1-YLETHYLAMINE, 2,4,6-TRIS(DIMETHYLAMINOMETHYL)PHENOL

Các nguy hại khác

Sản phẩm này không chứa bất kỳ chất nào được phân loại PBT (bền vững, dễ tích tụ sinh học và độc hại) hoặc vPvB (rất bền vững, rất dễ tích tụ sinh học).

PHẦN 3: Thành phần/thông tin về thành phần

Hỗn hợp

2-PIPERAZIN-1-YLETHYLAMINE	60-100%
Số CAS: 140-31-8	

Phân loại

Độc tính cấp tính loại 4 - H302
Độc tính cấp tính loại 4 - H312
Ăn mòn da loại 1B - H314
Tổn thương mắt loại 1 - H318
Mẫn cảm da loại 1 - H317
Mẫn tính thủy sinh loại 3 - H412

2,4,6-TRIS(DIMETHYLAMINOMETHYL)PHENOL

10-30%

Số CAS: 90-72-2

Phân loại

Ăn mòn da loại 1B - H314
Tổn thương mắt loại 1 - H318
Mẫn cảm da loại 1 - H317
Mẫn tính thủy sinh loại 3 - H412

Văn bản đầy đủ của tất cả các câu cảnh báo nguy hại được hiển thị ở Phần 16.

PHẦN 4: Biện pháp sơ cứu

Mô tả các biện pháp sơ cứu

Thông tin chung	Tránh hít phải hơi và tiếp xúc với da và mắt. Trong trường hợp tai nạn hay thấy không được khỏe, tìm tư vấn y tế ngay lập tức (cho họ xem nhãn nếu có thể).
Sự hít phải	Đưa người bị ảnh hưởng đến nơi thoáng khí ngay lập tức. Khi thấy khó thở, người đã qua đào tạo bài bản có thể hỗ trợ người bị ảnh hưởng điều chỉnh oxy. Tìm hỗ trợ y tế nếu sự khó chịu vẫn tiếp tục.

EXPANSION JOINT COMPOUND RED & GREY HARDENER

Sự ăn phải	Gây ăn mòn. Một lượng nhỏ có thể gây hủy hoại nghiêm trọng. Không cố nôn ra. Uống một vài cốc nước hoặc sữa nhỏ. Không bao giờ được cho bất kỳ thứ gì qua đường miệng cho một người đang bất tỉnh. Không bao giờ được cho bất kỳ thứ gì qua đường miệng cho một người đang bất tỉnh. Không cố nôn ra. Tìm hỗ trợ y tế ngay lập tức.
Tiếp xúc với da	Cởi quần áo bị nhiễm hóa chất ngay lập tức và rửa da với xà phòng và nước. Tìm hỗ trợ y tế nếu vẫn kích ứng sau khi rửa.
Tiếp xúc với mắt	Tháo kính áp tròng nếu có và mở to mắt. Tiếp tục rửa trong ít nhất 15 phút. Tiếp tục rửa trong ít nhất 15 phút. Tìm hỗ trợ y tế. Tìm hỗ trợ y tế nếu vẫn kích ứng sau khi rửa.

Các triệu chứng và ảnh hưởng quan trọng nhất, cả cấp tính và mãn tính

Thông tin chung	Mức độ nghiêm trọng của các triệu chứng được mô tả sẽ khác nhau tùy thuộc vào nồng độ và thời gian tiếp xúc.
------------------------	--

Chỉ định chăm sóc y tế ngay lập tức và điều trị đặc biệt cần thiết

Ghi chú cho bác sĩ	Không có khuyến nghị cụ thể. Nếu có nghi ngờ, tìm hỗ trợ y tế ngay lập tức.
---------------------------	---

PHẦN 5: Biện pháp xử lý khi có hỏa hoạn

Cách chữa cháy

Cách chữa cháy phù hợp	Đập lửa với bọt, cacbon dioxit hoặc bột khô.
-------------------------------	--

Những nguy hại đặc biệt phát sinh từ chất hoặc hỗn hợp

Những nguy hại cụ thể	Tránh hít khí hoặc hơi cháy.
------------------------------	------------------------------

Lời khuyên cho nhân viên cứu hỏa

Những hành động bảo hộ trong khi chữa cháy	Keep up-wind to avoid fumes. Kiểm soát nước chảy bằng cách chứa và giữ không để chảy vào hệ thống cống rãnh và kênh rạch. Không sử dụng bình xịt nước để dập lửa, vì việc này sẽ làm lan rộng đám cháy.
---	---

Thiết bị bảo hộ đặc biệt cho lính cứu hỏa	Đeo bình thở dưỡng khí oxy áp lực dương và mặc quần áo bảo hộ phù hợp.
--	--

PHẦN 6: Biện pháp xử lý tai nạn

Các cảnh báo cá nhân, thiết bị bảo vệ và quy trình khẩn cấp

Những cảnh báo cho cá nhân	Cung cấp hệ thống thông gió tốt. Mặc quần áo bảo hộ như được mô tả ở Phần 8 của phiếu dữ liệu an toàn này. Do not breathe vapour. Tránh tiếp xúc với da và mắt. Không hút thuốc, đánh lửa, lửa trần hoặc các nguồn cháy khác gần chỗ tràn đổ.
-----------------------------------	---

Các cảnh báo về môi trường

Những cảnh báo về môi trường	Tránh tràn đổ hoặc chảy xuống ống thoát nước, cống rãnh hoặc kênh rạch. Tràn đổ và xả thải không kiểm soát vào nguồn nước phải được báo cáo ngay lập tức với Cục Môi trường hoặc cơ quan quản lý thích hợp khác.
-------------------------------------	--

Các phương pháp và chất liệu để ngăn chặn và làm sạch

Các phương pháp lau dọn	Hấp thụ chất tràn đổ với chất liệu hấp thụ không dễ cháy. Thu gom và đổ vào các thùng chứa chất thải phù hợp và niêm phong kín. Các thùng chứa chất bị tràn đổ phải được ghi nhãn đúng quy cách với thành phần chính xác và ký hiệu nguy hại.
--------------------------------	---

Tham khảo cho các phần khác

Tham khảo cho các phần khác	Mặc quần áo bảo hộ như được mô tả ở Phần 8 của phiếu dữ liệu an toàn này.
------------------------------------	---

PHẦN 7: Xử lý và lưu giữ

EXPANSION JOINT COMPOUND RED & GREY HARDENER

Các cảnh báo cho việc an toàn sử dụng

Những lưu ý khi sử dụng Chỉ sử dụng trong khu vực thông gió tốt. Tránh tiếp xúc với da và mắt. Tránh hít phải hơi. Loại bỏ tất cả các nguồn phát lửa. Không sử dụng trong không gian kín mà không có hệ thống thông gió tốt và/hoặc mặt nạ phòng độc. Do not eat, drink or smoke when using the product. Thủ tục vệ sinh cá nhân nên được thực hiện tốt.

Các điều kiện an toàn lưu giữ, bao gồm cả những điều không nên

Những cảnh báo về lưu giữ hóa chất Lưu trữ trong thùng chứa gốc ban đầu, đóng kín, ở nơi khô ráo, thoáng mát và thông gió tốt. Không lưu trữ gần các chất liệu không tương thích (xem Phần 10).

Mục đích sử dụng cụ thể cuối cùng

(Những) mục đích sử dụng cụ thể cuối cùng Các công dụng đã được xác định của sản phẩm này được trình bày trong Phần 1.

PHẦN 8: Quản lý Phơi nhiễm/ bảo hộ cá nhân

Chú thích thành phần Không có giới hạn phơi nhiễm cho các thành phần này.

Quản lý phơi nhiễm

Thiết bị bảo hộ



Kiểm soát kỹ thuật phù hợp Cung cấp đầy đủ hệ thống thông gió chung và quạt hút thông gió khu vực.

Bảo hộ mắt/mặt Đeo thiết bị bảo hộ sau: Kính chống hóa chất bắn tóe. Phải đeo thiết bị bảo hộ cá nhân cung cấp sự bảo vệ mắt và mặt phù hợp.

Bảo hộ tay Use protective gloves. Găng tay được khuyến nghị làm từ chất liệu sau: Cao su nitrile. Găng tay được khuyến nghị làm từ chất liệu sau: Cao su butyl. Găng tay được khuyến nghị làm từ chất liệu sau: Neopren. Để bảo vệ tay khỏi hóa chất, đeo găng tay đã được chứng minh là kháng hóa chất và chống ăn mòn. Găng tay được lựa chọn phải có thời gian thẩm thấu ít nhất 8 giờ.

Bảo hộ khác cho da và cơ thể Mặc bộ bảo hộ hóa chất.

Các biện pháp về vệ sinh Cung cấp nơi để rửa mắt và tắm. Tránh xa thực phẩm, đồ uống và đồ ăn cho động vật. Thủ tục vệ sinh cá nhân nên được thực hiện tốt. Rửa tay và các chỗ bị nhiễm hóa chất trên cơ thể với xà phòng và nước trước khi rời khỏi khu làm việc. Do not eat, drink or smoke when using the product. Thay quần áo làm việc hằng ngày trước khi rời nơi làm việc.

Bảo hộ cho hô hấp Nếu hệ thống thông gió kém, phải đeo thiết bị bảo hộ hô hấp phù hợp. Việc lựa chọn mặt nạ phải dựa trên mức độ phơi nhiễm, nguy hại của sản phẩm và giới hạn an toàn nơi làm việc của mặt nạ được chọn lựa. Mặt nạ phải vừa với khuôn mặt và bộ lọc phải được thay thường xuyên. Đeo mặt nạ hợp với bộ lọc sau: Bộ lọc khí, loại A2. Phải sử dụng mặt nạ hô hấp nửa mặt và một phần tư mặt với hộp lọc có thể thay thế được phù hợp với mục đích sử dụng.

PHẦN 9: Đặc tính lý, hóa của hóa chất

Thông tin về tính chất lý, hóa cơ bản của hóa chất

Hình dáng bên ngoài Chất lỏng.

Màu sắc Vàng hổ phách.

Mùi đặc trưng Mùi tanh.

Độ pH pH (dung dịch pha loãng): 10.5-11.5 (5% Soln)

EXPANSION JOINT COMPOUND RED & GREY HARDENER

Điểm nóng chảy	N/D°C
Điểm sôi ban đầu và phạm vi sôi	>221°C @
Điểm chớp cháy	135°C PMCC (Cốc kín Pensky-Martens)
Tỷ lệ hóa hơi	<1 (BuAc= 1)
Áp suất hơi	<3mmHg @ °C
Tỷ trọng hơi	>1
Tỷ trọng tương đối	0.99 @ 20 °C°C
Tính tan	Tan trong nước.
Thông tin khác	Không có.

PHẦN 10: Mức độ ổn định và khả năng hoạt động của hóa chất

Khả năng hoạt động của chất	Chất oxy hóa mạnh. Axit. Peroxit/hydroperoxit hữu cơ.
Mức độ ổn định của chất	Bền ở nhiệt độ thường và được sử dụng như khuyến nghị.
Khả năng gây ra phản ứng nguy hại	Không polyme hóa.
Các tình trạng cần tránh	Tránh nhiệt, ngọn lửa và các nguồn phát lửa khác. Tránh nhiệt độ quá cao trong khoảng thời gian kéo dài. Tránh tiếp xúc với nhiệt độ cao hoặc ánh nắng trực tiếp.
Các vật liệu cần tránh	Tránh tiếp xúc với chất oxy hóa. Axit. Nitrous acid and other nitrosating agents. Peroxit/hydroperoxit hữu cơ. Peroxit vô cơ.
Các sản phẩm cháy nguy hại	Fire or high temperatures create: Khí chứa nitơ (NOx). Oxit của các chất sau: Cacbon monoxit (CO). Cacbon dioxit (CO2). Vapours/gases/fumes of: Amoniac hoặc amin.

PHẦN 11: Thông tin về độc tính**Thông tin về tác động của độc tính****Độc tính cấp tính- qua đường miệng**

Dự đoán độ độc cấp tính qua đường miệng (mg/kg) 588,24

Độc tính cấp tính- qua da

Dự đoán độ độc cấp tính qua da (mg/kg) 1.294,12

Sự hít phải	Hơi có thể gây kích ứng hệ hô hấp/phổi. Có thể gây hủy hoại màng nhầy trong mũi, họng, phổi và hệ thống phế quản.
Sự ăn phải	Gây ăn mòn. Một lượng nhỏ có thể gây hủy hoại nghiêm trọng.
Tiếp xúc với da	Có thể được hấp thụ qua da. Gây bỏng. Gây ăn mòn. Tiếp xúc kéo dài gây hủy hoại tế bào nghiêm trọng. May cause sensitisation by skin contact.
Tiếp xúc với mắt	Gây bỏng. Nguy cơ hủy hoại mắt nghiêm trọng. Một lần phơi nhiễm đơn có thể gây ra các tác hại sau: Hủy hoại giác mạc.

EXPANSION JOINT COMPOUND RED & GREY HARDENER

Nguy hại sức khỏe cấp tính và mãn tính Sản phẩm này gây ăn mòn. Sản phẩm này gây ăn mòn. Sản phẩm này có thể gây kích ứng da và mắt. Tiếp xúc kéo dài có thể gây bỏng.

Đường vào cơ thể Qua đường thở Ingestion. Hấp thu vào da

2,4,6-TRIS(DIMETHYLAMINOMETHYL)PHENOL

Độc tính cấp tính- qua đường miệng

Độ độc cấp tính qua đường miệng (LD₅₀ mg/kg) 2.169,0

Các loài Chuột cống

PHẦN 12: Thông tin về sinh thái

Độc tính môi sinh Avoid release to the environment. Sản phẩm này chứa một chất có hại đối với sinh vật thủy sinh và do đó có thể gây ra tác hại lâu dài cho môi trường thủy sinh.

Độc tính Không được cho là gây độc cho cá.

Độ bền vững và độ phân hủy

Độ bền và độ phân hủy Không có dữ liệu về tính phân hủy sinh học của sản phẩm này.

Tiềm năng tích tụ sinh học

Khả năng tích lũy sinh học Không có dữ liệu về độ tích tụ sinh học.

Tính di động trong đất

Tính di động Không xả thải vào ống thoát nước hoặc hệ thống nước hoặc trên mặt đất.

Các tác động có hại khác

Các tác động có hại khác Không có.

PHẦN 13: Cân nhắc trong việc thải bỏ

Các biện pháp xử lý chất thải

Thông tin chung Khi xử lý chất thải, các biện pháp phòng ngừa an toàn áp dụng trong xử lý sản phẩm phải được cân nhắc.

Các phương pháp thải bỏ Thải bỏ chất thải ở khu xử lý chất thải có giấy phép theo yêu cầu của Cơ quan Xử lý Chất thải địa phương.

Nhóm chất thải 08 04 99

PHẦN 14: Thông tin trong việc vận chuyển

Số UN

Số UN (Đường bộ/Đường sắt) 2735

Số UN (IMDG) 2735

Số UN (ICAO) 2735

Tên vận chuyển chuẩn UN

Tên chuẩn dùng khi vận chuyển (Đường bộ/Đường sắt) AMINES, LIQUID, CORROSIVE, N.O.S. (AMINOETHYLPIPERAZINE & 2,4,6-TRIS(DIMETHYLAMINOMETHYL)PHENOL)

Tên chuẩn dùng khi vận chuyển (IMDG) AMINES, LIQUID, CORROSIVE, N.O.S. (AMINOETHYLPIPERAZINE & 2,4,6-TRIS(DIMETHYLAMINOMETHYL)PHENOL)

EXPANSION JOINT COMPOUND RED & GREY HARDENER

Tên chuẩn dùng khi vận chuyển (ICAO) AMINES, LIQUID, CORROSIVE, N.O.S. (AMINOETHYLPIPERAZINE & 2,4,6-TRIS(DIMETHYLAMINOMETHYL)PHENOL)

Vận chuyển các nhóm chất nguy hại

Nhóm Đường bộ/Đường sắt 8

Mã phân loại Đường bộ/Đường sắt C7

Nhãn Đường bộ/Đường sắt 8

Nhóm IMDG 8

Nhóm/ mục ICAO 8

Nhãn vận chuyển



Nhóm đóng gói

Nhóm đóng gói Đường bộ/Đường sắt III

Nhóm đóng gói IMDG III

Nhóm đóng gói ICAO III

Các nguy hại về môi trường

Chất gây nguy hại cho môi trường/ chất ô nhiễm thủy sinh
Không.

Những lưu ý đặc biệt cho người sử dụng

EmS F-A, S-B

Số xác định nguy hại (Đường bộ/Đường sắt) 80

PHẦN 15: Thông tin luật định

PHẦN 16: Thông tin khác

Ngày sửa đổi 06/04/2018

Sửa đổi 11

Ngày thay thế 31/05/2017

Câu cảnh báo nguy hại đầy đủ H302 Gây hại nếu nuốt phải.
H312 Gây hại nếu tiếp xúc với da.
H314 Gây bỏng da và tổn thương mắt nghiêm trọng.
H317 Có thể gây ra phản ứng dị ứng với da.
H318 Gây tổn thương mắt nghiêm trọng.
H412 Gây hại cho đời sống thủy sinh với tác ảnh hưởng lâu dài.

Thông tin này chỉ áp dụng cho chất liệu cụ thể được ghi rõ và có thể vô giá trị khi chất liệu này được sử dụng kết hợp với chất liệu khác hoặc trong quá trình khác. Thông tin này, dựa trên kiến thức tốt nhất và niềm tin của công ty, là chính xác và đáng tin cậy kể từ ngày được ghi. Tuy nhiên, không có bảo đảm hoặc tuyên bố chính thức nào về tính chính xác, độ tin cậy hoặc tính trọn vẹn của thông tin. người sử dụng tự có trách nhiệm trong việc sử dụng thông tin phù hợp với yêu cầu sử dụng riêng của bản thân.